TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 04/2019/DS-ST Ngày 23/5/2019 V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Việt Giang
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tính và bà Nguyễn Thị Thủy.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh P tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tri - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2019/ TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2019 về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu Trung Tâm 2, xã T, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu Lâm Thao, TT L, huyện L, tỉnh P.

Người làm chứng:

1. Chị Trần Quý P. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Trung Tâm 2, xã T, huyện T, tỉnh P.

2. Chị Nguyễn Thị N. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Lâm Thao, TT L, huyện L, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 24/11/2015 anh C có mua của anh T 01 chiếc xe ô tô DAEWOO nhãn hiệu GENTRA BKS 29A - 554.25 SK: RLLSF69YD7.4009181; SM:

F15.3233674K; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 062789 tên chủ xe Đỗ Văn Đ, địa chỉ: Xuân Phú - Phúc Thọ - Hà Nội, màu sơn bạc với giá là 200.000.000đ. Anh C đã giao cho anh T đủ số tiền 200.000.000đ và nhận xe cùng toàn bộ giấy tờ gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 062789 tên chủ xe Đỗ Văn Đ; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số BA 0719857. Hai bên viết giấy mua bán tay nhưng không có công chứng và chứng thực gì.

Ngày 30/3/2016 anh C bán lại chiếc xe trên cho anh Bùi Như A, địa chỉ: Khu 9, xã S, huyện Đoan H, tỉnh P với giá là 225.000.000đ. Ngày 04/4/2016 anh A mang đi đăng kiểm xe thì phát hiện xe này bị làm giả giấy tờ và số khung, số máy bị đục lại nên anh A khởi kiện anh C tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P yêu cầu tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh A và anh C vô hiệu và yêu cầu anh C trả lại số tiền 225.000.000đ. Ngày 18/01/2018 Tòa án nhân dân huyện T xét xử, tại bản án số: 01/2018/DS-ST ngày 18/1/2018 tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô "Giấy bán xe ô tô" giữa anh Bùi Như A và anh C vô hiệu và buộc anh C phải trả cho anh A số tiền gốc bán xe cho anh A là 225.000.000đ. Ngày 17/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử phúc thẩm, tại bản án số 01/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 quyết định giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2018/DS-ST ngày 18/1/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P. Nay anh C đề nghị Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh C và anh Nguyễn Văn T vô hiệu và yêu cầu anh T trả lại cho anh C số tiền 200.000.000đ tiền mua xe và số tiền án phí anh C phải chịu trong vụ án trước là 11.550.000đ (gồm án phí dân sự sơ thẩm là 11.250.000đ và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ)

Tại đơn đề nghị ngày 03/5/2019 và tại phiên tòa hôm nay anh C xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh T số tiền 11.550.000đ. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh C và anh Nguyễn Văn T vô hiệu và yêu cầu anh T trả lại cho anh C số tiền 200.000.000đ là tiền anh C mua xe của anh T.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày :

Nguồn gốc chiếc xe ô tô DAEWOO nhãn hiệu GENTRA BKS 29A - 554.25 SK: RLLSF69YD7.4009181; SM: F15.3233674K Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 062789 tên chủ xe Đỗ Văn Đ, địa chỉ: Xuân Phú - Phúc Thọ - Hà Nội, màu sơn bạc anh T mua của anh Nguyễn Văn H, địa chỉ: Xã B, huyện V, tỉnh V ngày 29/8/2014. Khi mua xe hai bên có viết giấy bán (cho, tặng) xe, có xác nhận của UBND xã Bì, huyện V, tỉnh V với giá là 285.000.000đ. Anh T đã trả đủ số tiền 285.000.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) cho anh H và anh H giao xe và toàn bộ giấy tờ cho anh Thái gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 062789 tên chủ xe Đỗ Văn Đ (Bản gốc); 01 bảo hiểm xe (Bản gốc); 01 Giấy chứng nhận kiểm định (Bản gốc). Do không có nhu cầu sử dụng nữa nên ngày 24/11/2015 anh T bán chiếc xe trên cho anh C với giá là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Khi bán

anh có viết giấy mua bán xe cho anh C nhưng không có công chứng và chứng thực và giao toàn bộ các giấy tờ xe cho anh C. Nay anh C khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng mua bán xe giữa anh C và anh vô hiệu và yêu cầu anh T phải trả lại số tiền 200.000.000đ tiền mua xe cùng số tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm anh phải chịu trong vụ án trước là 11.550.000đ. Quan điểm của anh T không đồng ý về việc tuyên hủy hợp đồng mua bán xe giữa anh và anh C và anh không nhất trí trả số tiền trên vì chiếc xe ô tô anh mua của anh H, anh hoàn toàn không biết việc chiếc xe này bị đục số khung, số máy và giấy tờ là giả.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị N trình bày:

Khoảng tháng 8/2014 chồng chị là anh Nguyễn Văn T có mua 01 chiếc ô tô DAEWOO nhãn hiệu GENTRA BKS 29A - 554.25 của anh Nguyễn Văn H, địa chỉ: Xã B, huyện V, tỉnh V. Đến khoảng tháng 11/2015 anh C đến nhà chị xem xe và hỏi mua xe. Việc mua bán xe giữa anh T với anh H và giữa anh T với anh C như thế nào thì chị không biết. Chiếc xe này là tài sản riêng của anh T không liên quan gì đến chị.

Người làm chứng chị Trần Quý P trình bày:

Khoảng tháng 11/2015 chồng chị là anh Nguyễn Văn C có mua 01 chiếc ô tô DAEWOO nhãn hiệu GENTRA BKS 29A - 554.25 của anh Nguyễn Văn T ở Khu Lâm Thao, TT L, huyện L, tỉnh P. Việc mua bán chuyển nhượng giữa anh C và anh T như thế nào chị không biết và cũng không liên quan gì vì đó là tài sản của anh C.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 24/11/2015 giữa anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T vô hiệu.

- Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T đối với anh Nguyễn Văn C số tiền 11.550.000đ. Hậu quả của việc đình chỉ: Anh C được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn C có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với anh Nguyễn Văn T địa chỉ: Khu Lâm Thao, TT L, huyện L, tỉnh P. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P.

Về áp dụng pháp luật, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 *"Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự sô 33/2005/QH11…"*. Do anh C và anh T thỏa thuận mua bán xe ô tô trước ngày 1/7/2016 nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận ngày 24/11/2015 anh T có bán cho anh C 01 chiếc xe ô tô DAEWOO nhãn hiệu GENTRA, BKS 29A - 554.25 SK: RLLSF69YD7.4009181; SM: F15.3233674K; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 062789 tên chủ xe Đỗ Văn Đ, địa chỉ: Xuân Phú - Phúc Thọ - Hà Nội, màu sơn bạc với giá là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Anh T đã nhận đủ số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và anh C đã nhận xe cùng toàn bộ giấy tờ gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 062789 tên chủ xe Đỗ Văn Đ; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số BA 0719857. Việc mua bán xe thể hiện tại "Giấy bán xe ô tô" ngày 24/11/2015. Vì vậy theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự thì việc thừa nhận của các bên về việc giao kết hợp đồng mua bán tài sản, giá trị hợp đồng, việc thanh toán tiền và việc giao nhận tài sản cho nhau là đúng không phải chứng minh.

Xét yêu cầu của anh C Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hợp đồng mua bán xe giữa anh C và anh T: Anh C và anh T thỏa thuận mua bán xe ô tô thể hiện bằng giấy bán xe ô tô ngày 24/11/2015 đây là hợp đồng mua bán tài sản. Theo hợp đồng anh T cam đoan chiếc xe là tài sản hợp pháp; không có tranh chấp kiện tụng gì. Nếu có gì sai trái anh xin chịu bồi thường số tiền trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nhưng theo kết luận giám định số 570/KLGĐ ngày 11/4/2016 và kết luận giám định số 1105/KLGĐ ngày 28/6/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh P và kết quả điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh P đã xác định chiếc xe trên số khung số máy bị đục giả và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 062789 ghi tên Đỗ Văn Đ địa chỉ: Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội cấp ngày 15/6/2012 và Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số BA 0719857 ghi cấp ngày 29/3/2014 là giả. Như vậy anh T không có quyền sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe ô tô trên. Mặt khác ô tô là tài sản phải đăng ký quyền sở hữu theo Luật giao

thông đường bộ. Như vậy anh T bán chiếc xe ô tô không thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình cho anh C là trái với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh C và anh T vi phạm điều cấm của pháp luật về chuyển nhượng tài sản không thuộc quyền sở hữu và giấy tờ bị làm giả nên vô hiệu theo quy định tại các Điều 128, Điều 410 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do anh C và anh T đều không biết số khung, số máy bị đục và giấy tờ xe là giả. Hai bên thỏa thuận mua bán xe đều nhầm lẫn khi giao kết hợp đồng. Vì vậy giao dịch giữa anh Ch và anh T là vô hiệu do bị nhầm lẫn theo Điều 131 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng mua bán xe giữa anh C và anh T là "giấy bán xe ô tô" không có công chứng, chứng thực. Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 Thông tư 15/2014/TT-BCA thì "*Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật về chứng thực"*, như vậy anh C và anh T đã không thực hiện đúng quy định về hình thức của hợp đồng mua bán xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 124 của Bộ luật dân sự năm 2005 vì vậy hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh C và anh T là vô hiệu.

Từ những nhận định trên có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chiến, tuyên bố hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh C và anh T vô hiệu.

- Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Anh C yêu cầu anh T trả lại cho anh số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) anh đã trả khi mua xe ô tô của anh T. Phía anh T không đồng ý trả lại số tiền này cho anh C vì chiếc xe trên anh mua của anh H, anh không biết chiếc xe này bị đục số khung, số máy và các giấy tờ là giả. Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu, do anh T và anh C đều không biết số khung, số máy của chiếc xe bị đục lại và giấy tờ của xe là giả nên đã mua bán với nhau, lỗi của anh C và anh T đều là vô ý. Hai bên đều nhầm lẫn tưởng là các thông tin nhận dạng chính xác xe ô tô là thật nên đã giao kết hợp đồng với nhau. Vì vậy cả anh T và anh C đều không có lỗi làm cho giao dịch vô hiệu. Do vậy không phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu.

Theo quy định tại Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Vì vậy cần buộc anh T trả lại số tiền 200.000.000đ cho anh C và anh C phải trả lại chiếc xe ô tô cho anh T. Nhưng chiếc xe này là tang vật không xác định được chủ sở hữu nên Chủ tịch UBND huyện T đã ra Quyết định số 3067/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 tịch thu tang vật vi phạm hành chính là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Deawoo Gentra; số khung RLLSF69YD9H014201; số máy F15S33327681; năm sản xuất 2009; nơi sản xuất: Việt Nam (do tang vật không xác định được chủ sở

hữu) và giao cho Hội đồng xử lý bán đấu giá tài sản huyện T tổ chức bán đấu giá theo quy định. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi của anh T thì anh T có quyền khởi kiện đối với anh Nguyễn Văn H để đòi lại số tiền anh đã mua xe của anh H.

[3] Tại đơn đề nghị ngày 03/5/2019 và tại phiên tòa anh C vẫn giữ nguyên ý kiến xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh T số tiền 11.550.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) là tiền án phí anh phải chịu trong vụ án trước (gồm án phí dân sự sơ thẩm là 11.250.000đ và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ). Hội đồng xét xử xét thấy anh C tự nguyện xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh T số tiền 11.550.000đ nên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh C đối với anh T số tiền 11.550.000đ. Hậu quả của việc đình chỉ: Anh C có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của anh C được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh T phải chịu là 200.000.000đ x 5% = 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 124, 128, 131, 137, 410, 428 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 132, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, và khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 24/11/2015 giữa anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T vô hiệu.

2. Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Văn C số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C đối với anh Nguyễn Văn T số tiền 11.550.000đ (Mười một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Hậu quả của việc đình chỉ: Anh Nguyễn Văn C được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn C số tiền 5.288.000đ (Năm triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002583 ngày 09/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh + huyện;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Việt Giang